



Sách hướng dẫn Chứng chỉ nhóm FSC về quản lý rừng

*(Bản dịch của Chương trình Lâm nghiệp WWF
Chương trình Việt Nam)*

Biên dịch: Ngọc Thị Mến
Hiệu đính: Lê Thiện Đức

Ngày 14 tháng 5 năm 2004

Chương trình TREES
Rebecca Butterfield, Giám đốc chương trình
65 Millet Street, Suite 201
Richmond, VT 05477 USA Telephone: 802-434-5491
Fax: 802-434-3116
Website: www.rainforest-alliance.org

M c l c

	Trang
1: Gi i thi u v cu n sách	2
Rainforest và các t ch c có liên quan	3
2: Ch ng ch Qu n lý r ng FSC	5
Ch ng ch r ng và Ch ng ch nhóm	5
L i ích c a Ch ng ch nhóm	6
Ch th nhóm và Thành viên nhóm	6
Các khu r ng c qu n lý theo quy mô nh và kém t p trung (SLIMF)	9
Các mô hình Ch ng ch nhóm	10
Các chi phí v Ch ng ch nhóm	16
3: Các yêu c u v Ch ng ch	18
Ch th nhóm	18
Thành viên nhóm	20
4: Các nguyên t c và Tiêu chí FSC (P&C)	21
T ng quan	21
Th hi n s tuân th	22
Các nguyên t c và tiêu chí	23
5: ánh giá và Ki m tra	32
Nhóm ánh giá	32
Ti n ánh giá	33
ánh giá chính	34
H u ánh giá	37
Ki m tra hàng n m	40

1: Giới thiệu về cuốn sách

Mục đích

Cuốn sách hướng dẫn cho các nhóm FSC nhằm phục vụ cho các nhà quản lý rừng, các công ty quản lý rừng, các hiệp hội, các hiệp tác xã và các cá nhân khác quan tâm tìm hiểu và muốn tham gia vào chương trình cho các nhóm quản lý rừng của Hội đồng Quản trị rừng (FSC).

Cuốn sách hướng dẫn này có biên soạn kèm theo các câu hỏi sau đây:

- [Chương trình FSC là gì?
 - [Lợi ích mà các nhóm mang lại?
 - [Các tiêu chí của các chương trình FSC là gì?
 - [Quy trình đánh giá các thực tiễn như thế nào?
-

Nội dung

Cuốn sách cung cấp những thông tin cơ bản, các quy định và yêu cầu, hướng dẫn thực tế, và các tài liệu tham khảo nhằm giúp cho các nhóm áp dụng kiến thức về các chương trình. Cuốn sách bao gồm các quy định và các tài liệu về hệ thống quản lý các mục tiêu và kế hoạch quản lý rừng. Các thực thể có thể sử dụng các mục tiêu và ví dụ này làm cơ sở xây dựng tài liệu riêng của mình hoặc đánh giá sự phù hợp tài liệu hiện có của mình.

Quy định

Cuốn sách này chỉ là cơ sở để tham khảo và hướng dẫn. Vì các áp dụng thực tế các ví dụ và mục tiêu trong cuốn sách không phải là sự cố định của các chương trình FSC. Các đánh giá về các chương trình đòi hỏi phải tiến hành đánh giá thị trường và phân vân các bên có liên quan trong thị trường vì các nghiên cứu các tài liệu, quy định và thực tế. Mục tiêu các quy định về các chương trình sẽ được đưa ra sau khi xem xét các yếu tố đánh giá khác nhau này.

Rainforest Alliance và các tổ chức có liên quan

Rainforest Alliance

Rainforest Alliance (RA) là một tổ chức bảo tồn quốc tế hàng đầu. Sứ mệnh của chúng tôi là bảo vệ các hệ sinh thái và con người và các loài động vật hoang dã sống trong các hệ sinh thái đó qua việc thúc đẩy các hoạt động sản xuất kinh doanh mang tính bền vững hơn nhằm bảo tồn đa dạng sinh học và duy trì tính bền vững. Các công ty, hiệp tác xã và chính quyền tham gia vào các chương trình của chúng tôi phải đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về bảo vệ môi trường, động vật hoang dã, công nhân và các cộng đồng địa phương. Rainforest Alliance có bộ phận chuyên trách bao gồm Lâm nghiệp, Nông nghiệp, Du lịch và Giáo dục. Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy truy cập vào trang web www.rainforest-alliance.org.

SmartWood

SmartWood là một chương trình của Phòng Lâm nghiệp thuộc Rainforest Alliance. Kể từ khi được thành lập năm 1989, SmartWood là chương trình chứng chỉ lâm nghiệp nổi tiếng nhất trên thế giới. Trước khi thành lập Hội đồng Quản trị rừng (FSC), SmartWood đã đưa ra khái niệm thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm về xã hội và môi trường thông qua chứng chỉ rừng. Ngày nay SmartWood cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thành lập FSC. SmartWood của FSC chứng minh thực tiễn về việc cấp chứng chỉ quản lý rừng tự nhiên, quản lý rừng trồng, lâm sản phi gỗ và chuỗi hành trình sản phẩm. SmartWood có một đội ngũ cán bộ bao gồm các chuyên gia lâm nghiệp và các nhà quản lý có nhiệm vụ kinh nghiệm tham gia cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp cho các khách hàng thông qua mạng lưới các văn phòng vùng rộng khắp trên thế giới. Trụ sở chính của chương trình đặt tại Richmond, Vermont và các văn phòng vùng đặt tại Miami (Portland, OR, Minneapolis, MN và Dallas, TX), Canada, Mexico, Costa Rica, Bolivia, Brazil, Spain, Denmark và Indonesia. Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy truy cập trang web www.smartwood.org.

Rainforest Alliance và các tổ chức có liên quan, tiếp

Hội đồng

Quản trị rừng

Hội đồng quản trị rừng (FSC) là một tổ chức phi chính phủ có trụ sở tại thành phố Bonn, Đức. FSC được thành lập nhằm đưa ra các tiêu chuẩn cho các chương trình chứng nhận rừng trên thế giới và chỉ định các cơ quan chứng nhận tuân thủ các tiêu chuẩn này. Các cơ quan chứng nhận, các doanh nghiệp lâm sản, các tổ chức xã hội và các nhóm hoạt động môi trường thì tiếp nhận FSC giám sát việc chứng nhận và hạn chế sự gia tăng một cách hạn chế các tiêu chuẩn. Bên cạnh đó, một số chương trình FSC vùng và quốc gia đã xây dựng các tiêu chuẩn và quy định dựa trên Bộ tiêu chuẩn (Nguyên tắc và Tiêu chí) của FSC, nhằm làm cho các Nguyên tắc và tiêu chí FSC này phù hợp hơn với từng vùng. Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy truy cập trang web www.fscoax.org.

TREES

TREES là một chương trình của Phòng Lâm nghiệp thuộc Rainforest Alliance. Kể từ năm 2001 chương trình này đã tập trung vào các hoạt động đào tạo (T), Nghiên cứu (R), Khuyến lâm (E), Giáo dục (E) và Hỗ trợ (S) liên quan tới chứng nhận quản lý rừng bền vững. Mục đích của chương trình TREES là nhằm nâng cao hiểu biết về chứng nhận FSC như là một công cụ hỗ trợ phát triển sinh kế, thúc đẩy phát triển bền vững và nâng cao hiểu biết kinh tế của các hoạt động lâm nghiệp quản lý bền vững các doanh nghiệp lâm nghiệp, các chứng nhận, các nhóm người bản địa và các cộng đồng nông thôn.

2: Chương Quản lý rừng FSC

Chương Chứng nhận và Chương Nhóm

Chương Chứng nhận

Chương Quản lý rừng FSC:

- Là quá trình hiểu rõ ràng và trình bày rõ ràng nhằm xác minh rừng chúng ta đang quản lý theo các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC.
 - Là một hệ thống minh bạch rõ ràng về khai thác gỗ và các chỉ số phù hợp về phân bổ sinh thái và môi trường kinh tế và xã hội cho các chứng nhận.
 - Là một chứng trình tự nguyện tự nguyện là một chứng trình thông qua việc chứng nhận cho một tiêu dùng quy định "bộ chứng" cho công tác quản lý rừng: khi mua sản phẩm gỗ chứng nhận sẽ góp phần vào việc bảo tồn rừng và đa dạng sinh học trên toàn thế giới.
-

Chương Nhóm

Chương Nhóm:

- Là một quá trình theo dõi hiểu rõ ràng hoặc các nhà quản lý rừng có chung một chứng nhận FSC.
- Cho phép một chứng nhận nhóm trở thành một diễn giải chứng nhận cho một nhóm gồm các chứng nhận hoặc các nhà quản lý rừng cùng nguyện ý tham gia vào nhóm.
- Áp dụng hệ thống quản lý rừng đã chứng nhận cách thức nhóm và vị trí các khu rừng đạt thành viên.
- Yêu cầu hệ thống nhóm phải đáp ứng tất cả các yêu cầu quy định và tất cả các tiêu chí FSC và tất cả các chứng nhận/nhà quản lý rừng phải đáp ứng các tiêu chuẩn P&C FSC.
- Khác với chứng nhận quản lý rừng tự nguyện thì chứng nhận nhóm chứng nhận không có quy định sử dụng sản phẩm pháp lý về tài nguyên rừng.

L i ích c a Ch ñg ch nhóm

T ñg quan

Ch ñg ch nhóm c thi t k nh m gi m b t các chi phí và t ñg c h i cho các ch ñg tham gia vào ch ñg ch FSC thông qua vi c óng góp các chi phí ch ñg ch gi a các ch ñg.

L i ích

Các l i ích mà các ch ñg nh ñ c bao g m:

- [Chi phí ch ñg ch th p h n so v i ch ñg trình ch ñg ch truy n th ñg
- [Các d ch v và t v n v qu n lý r ñg có ch t l ñg cao
- [Tì p c n th tr ñg và/ho c l i th th tr ñg thông qua h p tác xã ho c cùng tì p th g
- [Tì t k i m chi phí t các d ch v mua và qu n lý chung
- [Tì p c n các chuyên gia có kinh nghi m và b trí nhân s trong nhóm
- Ch ñg trình linh ho t cho phép các nhóm khác nhau cùng tham gia

Ch th nhóm và Thành viên nhóm

Ch th nhóm

Ch th nhóm có th thu c b t c lo i hình t ch c nào d i ây:

- [Chuyên gia qu n lý r ñg c l p
- [Công ty lâm nghi p
- [Công ty lâm s n
- [H p tác xã
- [Hi p h i lâm nghi p c ñg ñg
- [Hi p h i ch ñg
- [Qu y thác t ai
- [C quan qu n lý tài nguyên c a chính ph

Nhóm c ch ñg ch c a ch th nhóm có th là s k th p b t k gi a các lo i r ñg thu c s h u b i t nhân, nhà n c ho c c ñg ñg s t i.

Ch ñg ch FSC mang tính ch t t ñg n. Không có yêu c u nào t ra là t t c các thành viên c a m t t ch c ph i tham gia vào nhóm c ch ñg ch .

Thành viên nhóm

Thành viên nhóm:

- [Có thể sử dụng cán bộ lâm nghiệp của chính nhóm hoặc chuyên gia lâm nghiệp của nhân viên mình để chỉ định công tác quản lý trồng cây của mình.
- [Có thể là chủ rừng, người thuê trồng, hoặc người có quyền sử dụng đất đai rừng thuộc sở hữu cá nhân, nhà cho thuê người sử dụng.
- [Có thể sử dụng đất rừng và/hoặc rừng trồng mà không có bất cứ hạn chế nào về quy mô diện tích.
- [Có thể là cá nhân, công ty, nhóm người sử dụng rừng, tập thể hoặc bất cứ nhóm nào khác có quyền sử dụng hoặc quyền quản lý mặt khu vực trồng cây dài hạn.
- [Có thể tham gia vào nhóm để chứng minh tính chính xác của nhóm vào bất cứ thời gian nào sau khi được phép.
- [Không có chứng cứ riêng.

Lưu ý tất cả các thành viên nhóm được bao gồm trong chứng cứ chuỗi hành trình sản phẩm của nhóm và có thể gắn logo FSC và SmartWood.

Những vấn

đề cần xem xét

đặc biệt về nhóm

Các vấn đề chính cần xem xét về mặt chính, công ty, hoặc nhân viên/cán bộ từ văn phòng lâm nghiệp xây dựng nên các nhóm để chỉ định chứng cứ nhóm:

- [Sự chú ý quan tâm trong vùng địa lý nhất định
- [Sự chú ý quan tâm tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị rừng theo yêu cầu của FSC
- [Mức độ phù hợp về quản lý môi trường và các chủ rừng
- [Mức độ minh bạch của các chủ rừng và trách nhiệm các nguyên tắc quản lý rừng, các hệ thống và giám sát
- [Mức độ minh bạch về quản lý môi trường của ban quản lý hoặc chủ rừng và nhân viên chứng cứ FSC và quản lý rừng bền vững
- [Lưu ý các chi phí cho đánh giá và kiểm tra chứng cứ có thể bù đắp chi phí như chi phí thuê hoặc chi phí vận chuyển các thiết bị hay không
- [Lưu ý các khoản chi phí của chủ rừng, các dịch vụ quản lý rừng cho các chủ rừng hoặc chia sẻ chi phí như chi phí bồi đắp chi phí hoạt động của hệ thống nhóm không
- [Lưu ý chứng cứ có áp dụng hay không cao sản phẩm của chủ rừng không

Nh ng v n

c n xem xét

i v i các thành viên nhóm

Nh ng v n chính c n xem xét i v i các ch r ng ang tìm ki m m t t ch c, công ty, ho c n v/cán b t v n lâm nghi p tham gia vào m t ch th nhóm:

- [Chi phí tham gia vào ch th nhóm
- [N ngl c c a i u ph i viên ch th nhóm
- [Kho ng cách/S g n g i gi a ch r ng v i n v gi ch ng ch nhóm
- [M c phù h p v tri t lý/v n hóa gi a ch r ng và n v gi ch ng ch nhóm
- [M c th ng nh t gi a ch r ng và t ch c v các nguyên t c qu n lý r ng, các h th ng và giám sát
- [C h i ti p c n các th tr ng ã c ch ng ch c a n v gi ch ng ch
- [Kho ng cách/S g n g i gi a ch r ng v i các th tr ng c a n v gi ch ng ch
- [C h i ti p c n và chi phí nh n c t v n chuyên môn và h tr k thu t c a n v gi ch ng ch

Các khu rừng cấp quản lý theo quy mô nhỏ và kém tập trung (SLIMF)

những nhà

Tháng 11 năm 2003, FSC phê chuẩn một chương trình mới và áp dụng chương trình này cho các Khu rừng cấp quản lý theo quy mô nhỏ và kém tập trung (SLIMF) và các nhóm SLIMFs. Chương trình SLIMF giúp cho việc tiếp cận và chi trả cho chương trình đăng ký thông qua việc thực hiện các quy định công tác báo cáo và giám sát tốt hơn.

Yêu cầu chuyên môn

Một khu rừng hoặc chủ rừng/nhà quản lý rừng phải đáp ứng các M T trong các tiêu chuẩn này để trở thành SLIMF:

- Diện tích rừng hoặc quy hoạch không vượt quá 100 ha (247 mẫu Anh). Một số chương trình/sáng kiến vùng và FSC có thể cho phép diện tích tối đa lên tới 1000 ha (2.470 mẫu Anh). Hãy kiểm tra lại với cơ quan cấp chương trình hoặc FSC để biết diện tích tối đa cho phép trong khu vực của mình.

HO C

- Lượng khai thác trung bình năm không vượt quá 20% lượng trữ lượng trung bình năm và không vượt quá 5000 M³/năm (2.2 MMBF).
-

Danh sách kiểm tra

Danh sách này giúp cho việc xác định xem các thành viên của nhóm có đủ điều kiện trở thành một nhóm các SLIMF hay không.

Các điều kiện trở thành SLIMF Eligibility	
Diện tích đất thu hoạch của cá nhân thành viên trong tổng diện tích canh tác không vượt quá 100 ha (247 mẫu Anh).	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
HO C Mỗi thành viên của nhóm canh tác khai thác không quá 20% lượng trữ lượng trung bình năm VÀ không vượt quá 5000 M ³ /năm (2.2 MMBF).	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không

Các mô hình Ch ng ch nhóm

T ng quan

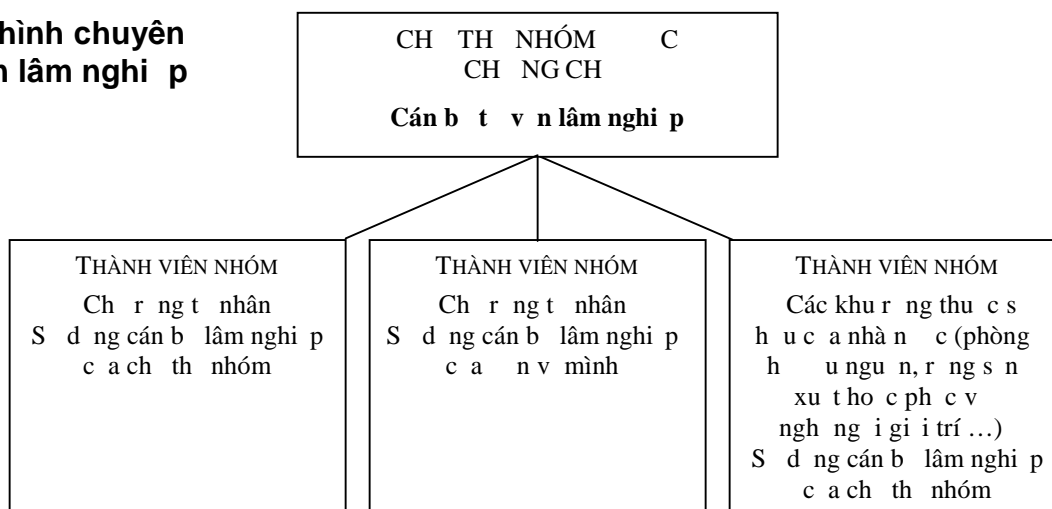
Có r t nhi u c c u t ch c ch ng ch nhóm có th áp d ng. Ph n này trình bày ba c c u ph bi n:

- [Mô hình chuyên môn lâm nghi p
- [Mô hình hi p h i
- [Mô hình nhà máy/công ty lâm s n

M c dù c ba mô hình trên u có tên là “ch ng ch nhóm” nh ng m i mô hình u có nh ng l i th v t ch c c ng nh nh ng thách th c riêng khác nhau.

Các mô hình Chức vụ nhóm, cấp

Mô hình chuyên môn lâm nghiệp



Mô tả

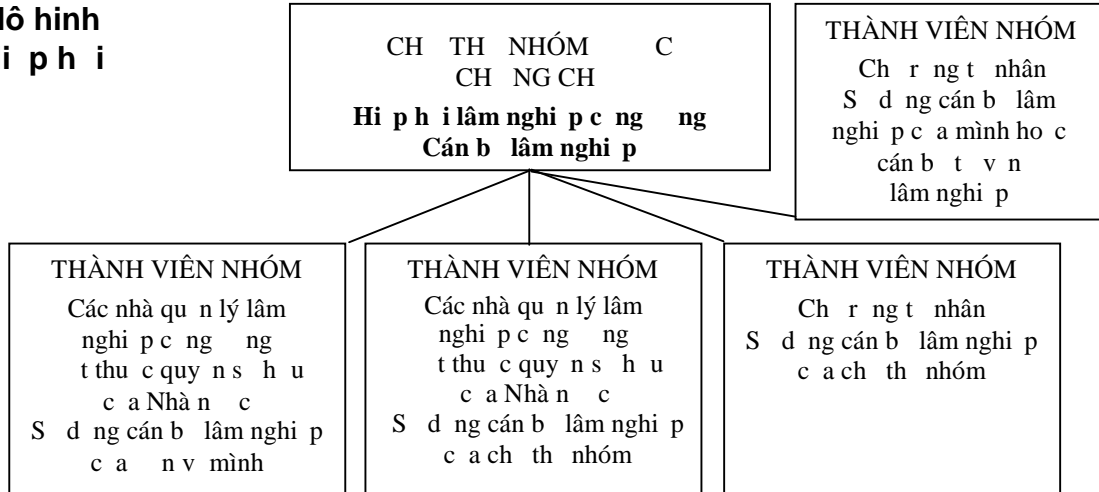
Trong mô hình này, một phần hay toàn bộ công việc của cán bộ lâm nghiệp hoặc một nhóm các cán bộ lâm nghiệp là quản lý các khu rừng. Đây là những công việc trực tiếp của các cán bộ lâm nghiệp, các công ty lâm nghiệp hoặc nhà máy sản xuất. Trách nhiệm chính của họ là quản lý các khu rừng cho các chức năng như bảo vệ môi trường, không có gì chung ngoài việc cùng cam kết tuân thủ Bộ tiêu chuẩn FSC. Các nhà quản lý rừng giúp các chức năng thể hiện rõ các mục đích và mục tiêu của họ trước và sau khi xây dựng kế hoạch quản lý, đưa ra các biện pháp lâm sinh, giám sát công tác khai thác và xây dựng rừng, tìm kiếm thị trường cho sản phẩm gỗ và ống thu. Trong mô hình này, các thành viên nhóm có các cán bộ lâm nghiệp cá nhân riêng. Các thành viên nhóm không bắt buộc phải là cán bộ lâm nghiệp cá nhân nhóm vì vì họ là công tác quản lý rừng của thành viên phụ thuộc vào kế hoạch quản lý của cán bộ lâm nghiệp cá nhân nhóm.

**Các l i th
và thách th c**

L i th	Thách th c
Cung c p cho ch r ng ki n th c lâm nghi p chuyên môn	Các cán b t v n lâm nghi p có th ph i m t r t nhi u chi phí có c ch ng ch nhóm n u h không thu c a khách hàng m t ph n chi phí cho vi c ánh giá và ki m tra
D qu n lý nh t	
Mô hình t t nh t b t u l p m t ch th nhóm cho vi c xin c p ch ng ch nhóm	
Có th không c n nhi u nhân viên	

Các mô hình Công nghệ nhóm, tập

**Mô hình
Hiệp hội**



Mô tả

Trong mô hình này, mô hình hiệp hội là thúc đẩy các hoạt động kinh doanh của các thành viên, ngành các quy định có lợi của nhà nước, và hỗ trợ chuyên môn cho các thành viên. Mô hình hiệp hội hành hoạt động vì lợi ích của các thành viên, có đội ngũ cán bộ nhân viên có trình độ cao có thể tiếp cận các chuyên gia tư vấn giỏi. Nhóm cung cấp các dịch vụ vào tổ chức công nghệ, giám sát và marketing cho các thành viên trong nhóm. Thông thường, các thành viên thực hiện công tác quản lý riêng của mình mặc dù các dịch vụ này có thể có sẵn từ phía nhóm. Công nghệ có thể giúp gia tăng các lợi ích cho mỗi thành viên trong hiệp hội.

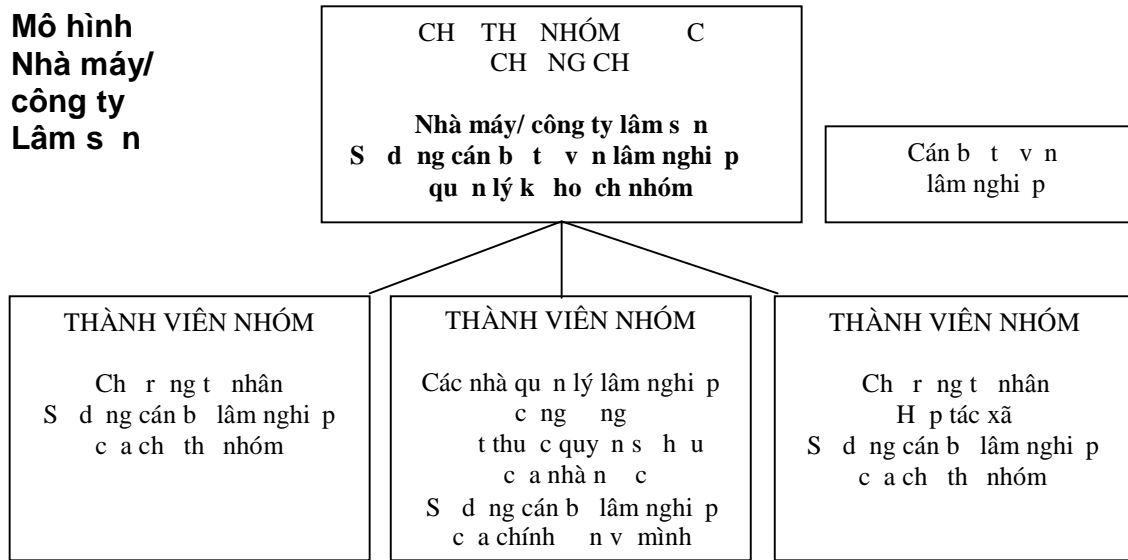
Các Lợi ích

và Thách thức

Lợi ích	Thách thức
Dáp ứng cho mô hình hiệp hội	Vì cạnh tranh tập thể mô hình hiệp hội phục vụ mục đích duy nhất là tổ chức công nghệ nhóm đòi hỏi rất nhiều nhân công và phí chi phí
	Nhóm phải có khả năng giám sát các khu vực quản lý bởi các chuyên gia lâm nghiệp khác nhau.

Các mô hình Công ty lâm sản

Mô hình Nhà máy/ công ty Lâm sản



Mô tả

Trong Mô hình Nhà máy/ công ty lâm sản, một công ty chỉ bị nên là một vị trí công việc cho các nhóm nghề không trực tiếp quản lý các khu rừng. Công ty sở dĩ một cán bộ tư vấn lâm nghiệp quản lý các khu rừng theo Bộ tiêu chuẩn FSC. Công ty có thể có “quy định ưu tiên” hoặc quy định theo hợp đồng mua gỗ từ các khu rừng này và chỉ cung cấp các dịch vụ miễn phí và/hoặc cho phép các chi trả trực tiếp các khoản chi phí trực tiếp về công ty FSC và kiểm tra.

Các Lợi ích và Thách thức

Lợi ích	Thách thức
Chi phí thuê cán bộ tư vấn lâm nghiệp làm quản lý nhóm có thể sẽ thấp hơn chi phí thành lập một ban lâm nghiệp.	Nhóm phiếm lượng cán bộ tư vấn lâm nghiệp thực hiện giám sát các khu rừng của quản lý bởi các chuyên gia khác.
Cung cấp dịch vụ tư vấn trực tiếp cho lâm sản của các thành viên nhóm.	Hầu như chi phí cho công ty trong việc thực hiện các hoạt động hành chính liên quan tới việc quản lý nhóm.
Tổ chức cung cấp cho công ty lâm sản.	

Các mô hình Công nghệ nhóm, tiếp

Những vấn đề

cần xem xét về

Công nghệ nhóm

Các nhân viên tham gia thí nghiệm nhóm cần phải công nghệ hoặc các nhân viên đang xin công nghệ thông qua một nhóm hiện có cần phải xem xét những vấn đề sau:

- [Quy mô nhóm thí nghiệm cần thí nghiệm các thành viên nhóm có thể chi trả các chi phí đánh giá và kiểm tra FSC phải được vào tình hình kinh tế của khu vực và năng lực sản xuất của các khu vực của nhóm.
- [Nhìn chung, nhóm có quy mô lớn hơn thì càng có chi phí đánh giá và kiểm tra tính cho mỗi chi phí phần chi phí của nhóm nhỏ hơn.
- [Thông thường, các chi phí đánh giá và kiểm tra FSC có thể được bù đắp bằng nhiều cách, như thông qua phí thành viên (công nghệ hiện tại), trả công của chính phủ/quản tài trợ, hoặc các nhà thu nhập “quyên ưu tiên ưu tiên” với các nhà quản lý nhóm đã công nghệ.
- [Có rất nhiều vấn đề khó khăn về liên quan tới việc thành lập nhóm vì mục đích duy nhất là công nghệ; vì vậy tốt nhất là nên xin công nghệ thông qua một nhóm hiện có hoặc theo mô hình Chuyên môn lâm nghiệp.

Các chi phí v Ch ng ch nhóm

Chi phí tr c ti p

là gì?

Chi phí tr c ti p là nh ng chi phí cho vi c ánh giá và ki m tra c p ch ng ch .

Các khu r ng c ch ng ch c ánh giá n m n m m t l n và ki m tra hàng n m.

Chi phí

ánh giá và Ki m tra

Các chi phí v ch ng ch nhóm ph thu c vào quy mô c a nhóm và di n tích khu r ng c ánh giá. Các chi phí v ch ng ch nhóm và ki m tra có th so sánh c trên ph m vi qu c t .

Các chi phí c a ch th nhóm dao ng trong kho ng:

- 5.000 - 30.000 i v i ánh giá
 - 1.500 - 10.000 USD i v i ki m tra hàng n m
-

Chi phí tr c ti p

i v i ch r ng

R t hi m khi các thành viên nhóm nh n hóa n tr c ti p t ch th nhóm thanh toán cho các chi phí v ánh giá và ki m tra liên quan quan n ch ng ch . Các hi p h i l y t ngu n thu phí h i viên, ngân sách ho t ng ho c v n tr c p (t qu tài tr ho c chính ph) chi tr cho các chi phí ánh giá c p ch ng ch . Các nhà qu n lý r ng n l và các công ty qu n lý r ng t chi tr các kho n chi phí này và không yêu c u các khách hàng thanh toán các kho n này.

Tuy nhiên, n u tính cho t ng ch r ng, các chi phí dao ng trong kho ng:

- l 12 - 1.500 USD cho ánh giá ban u, ch y u trong kho ng 200 - 300 USD
- l 0,70 - 14,00 USD/ha
- l d i 1,00 USD/M3

Chi phí cho

Chợ rẫy nông nghiệp

Chi phí tối thiểu để cấp chợ rẫy cho một chợ rẫy nông nghiệp (không thu cấp một nhóm nào) với diện tích ruộng là 1000 ha là khoảng 4.700 USD, với chi phí kiến trúc kiến tạo và công suất năng lượng dành cho việc cấp chợ rẫy cho một chợ rẫy nông nghiệp cũng như chi phí kiến tạo và công suất dành cho việc cấp chợ rẫy cho nhiều chợ rẫy khác nhau trong cùng một nhóm.

Chi phí gián tiếp

là gì?

Chi phí gián tiếp là những chi phí cho việc thi công tác quản lý rừng cần thiết nhằm áp dụng các tiêu chuẩn về chợ rẫy. Các chi phí này chủ yếu bao gồm các hoạt động lâm nghiệp phi thương mại của chợ rẫy như các khoản phí phí trả cho các dịch vụ quản lý

Chi phí gián tiếp

trong việc chợ rẫy

Việc lập chợ rẫy có thể sẽ phải chi trả các chi phí gián tiếp khác nhau giữa các nhóm. Các hình thức đôi khi cung cấp hỗ trợ chuyên môn và đào tạo cho chợ rẫy và đây là một phần trong các dịch vụ hỗ trợ của họ. Một số chuyên gia lâm nghiệp, đặc biệt là những người chuyên làm việc cho các công ty tư nhân, cung cấp các dịch vụ miễn phí như là một sự ưu ái cho phép công ty có “quyền ưu tiên” hoặc quy định theo hợp đồng mua sắm của chợ rẫy. Hầu hết các cán bộ viên lâm nghiệp đều thu một khoản phí cho các dịch vụ quản lý của họ bởi vì đó là công việc chính của họ.

3: Các yêu cầu về Chứng chỉ

Chứng chỉ nhóm

Trách nhiệm của

Chứng chỉ nhóm

Một chứng chỉ nhóm xin cấp chứng chỉ phải chịu trách nhiệm:

- [Cung cấp cho các thành viên nhóm các hình thức quản lý rừng, khung lập kế hoạch và các quy định phù hợp với Bộ tiêu chuẩn FSC.
- [Lập nên một chứng chỉ pháp lý thể hiện giám sát các thành viên nhóm nhằm đảm bảo rằng các chứng chỉ rừng họ có nhà quản lý rừng đáp ứng các yêu cầu FSC.
- [Giám sát công tác quản lý rừng của từng thành viên.
- [Là một liên lạc chính với quan cấp chứng chỉ (SmartWood) và các văn phòng tin liên lạc, chịu trách nhiệm kiểm tra và lưu giữ hồ sơ tài liệu của nhóm.

Chức vụ nhóm, tiếp

Các yêu cầu

Yêu cầu thành viên nhóm

Có một số yêu cầu mà tất cả các nhóm đang xin cấp chức vụ nhóm phải đáp ứng. Xem Tài liệu #1: Danh sách các yêu cầu về vị trí thành viên.

	Các yêu cầu về vị trí thành viên nhóm	Tham khảo tài liệu
1	Có một cách làm việc hiệu quả và có khả năng kết nối các thành viên và thu hút	
2	Có khả năng vận hành tài chính và quản lý các ngân sách cùng với các nguồn lực về thời gian và quản lý nguồn lực nhóm xuất. (ví dụ, quản lý tài chính, quản lý phòng, quản lý tài liệu, và quản lý các lý thuyết)	
3	Các thành viên nhóm tuân thủ các quy định của các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC và sẵn sàng cho việc đánh giá	
4	Ký thu nhập và đồng ý thành viên nhóm nhận trách nhiệm tham gia các thành viên, cam kết tuân thủ các quy định của nhóm, cam kết áp dụng các tiêu chuẩn FSC, và xác định trách nhiệm của thành viên và chức vụ nhóm	#3: <u>Thư chấp nhận Khách hàng/Thành viên</u>
5	Có quy định về vận hành xác định các mục tiêu quản lý của chức vụ nhóm, bao gồm cam kết và quản lý các khu vực trên tinh thần các tiêu chuẩn FSC	#4: <u>Các mục tiêu quản lý của Chức vụ nhóm</u>
6	Có quy định về vận hành xác định trách nhiệm của chức vụ nhóm về vị trí quản lý các di sản tích lũy của nhóm	#3: <u>Thư chấp nhận Khách hàng/Thành viên</u>
7	Có quy định về vận hành xác định trách nhiệm của thành viên nhóm về lập kế hoạch quản lý, giám sát, khai thác, kiểm soát chiến lược, marketing, và chi phí	#3: <u>Thư chấp nhận Khách hàng/Thành viên</u>
8	Có quy định về vận hành xác định các yêu cầu về cách thức thành viên nhóm, bao gồm các thủ tục và quy định về gia nhập và rút khỏi nhóm	#3: <u>Thư chấp nhận Khách hàng/Thành viên</u>
9	Có quy định về vận hành xác định các thủ tục của chức vụ nhóm về đánh giá và theo dõi kết quả hoạt động của thành viên nhóm trong mối quan hệ với các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC và các yêu cầu về chức vụ nhóm	#6: <u>Báo cáo giám sát thành viên nhóm</u>
10	Truy cập các thông tin quản lý tất cả các chức vụ, cán bộ làm việc và vận hành khai thác mà chức vụ nhóm làm việc cùng	
11	Có một kế hoạch quản lý áp dụng các yêu cầu của chức vụ nhóm và FSC	#7&8: <u>Mục kế hoạch quản lý</u>
12	Có kế hoạch quản lý cho từng thành viên nhóm theo một kế hoạch quản lý của chức vụ nhóm	#7&8: <u>Mục kế hoạch quản lý</u>
13	Có một người giám sát các hoạt động quản lý, cách thức thành viên, các thủ tục khai thác và quản lý khai thác, và giám sát cách thức thành viên cho ít nhất 5 năm	#5: <u>Bảng phân công thành viên nhóm</u> , #6: <u>Báo cáo hàng tháng về thành viên nhóm</u>

Thành viên nhóm

Trách nhiệm

Các thành viên nhóm

Chức vụ hoặc nhà quản lý riêng là thành viên của một nhóm có các trách nhiệm sau:

- Áp dụng tất cả các yêu cầu và gia nhập nhóm của chính nhóm.
- Tuân thủ tất cả các yêu cầu của các Nguyên tắc và Tiêu chí trên cơ sở công lập, phù hợp với quy mô và phạm vi của hoạt động lâm nghiệp.

Ghi chú: Các trách nhiệm và áp dụng các Nguyên tắc và Tiêu chí có thể không có “ảnh hưởng/bù trừ” giữa các thành viên hoặc tài sản khác nhau, ví dụ, một thành viên áp dụng các Nguyên tắc và Tiêu chí trong khi một thành viên khác lại không áp dụng các tiêu chuẩn nào.

Các yêu cầu

Đối với thành viên nhóm

Có một số yêu cầu mà các thành viên của một nhóm phải đáp ứng. Xem Tài liệu #2: Danh sách các yêu cầu đối với thành viên nhóm.

	Yêu cầu đối với thành viên nhóm	Xem tài liệu
1	Có quy định rõ ràng, cho thuê hoặc sử dụng quy định rõ ràng về nhân bản.	
2	Tuân thủ tất cả các yêu cầu của các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC trên cơ sở công lập, phù hợp với quy mô và phạm vi của hoạt động lâm nghiệp.	
3	Kiểm tra thu nhập của nhân viên sàng tham gia vào nhóm, tuân thủ các quy định của nhóm và cam kết áp dụng các yêu cầu của các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC.	<u>#3: Thách thức và Khách hàng/Thành viên</u>
4	Có kế hoạch quản lý phù hợp với quy mô và phạm vi của hoạt động lâm nghiệp, trên cơ sở mục tiêu quản lý của chính nhóm	<u>#7&8: Mục tiêu quản lý</u>

4: Các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC (P&C)

Tổng quan

Áp dụng

Các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC

Các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC bao gồm các tiêu chuẩn cơ sở để đánh giá các công nhân và các thành viên nhóm. Các tiêu chuẩn này có thể được sử dụng làm hướng dẫn cho các công nhân và mong muốn thể hiện họ rằng “lâm nghiệp bền vững” có thể đạt được trên toàn thế giới. Điều quan trọng cần ghi nhớ là đây chỉ là những hướng dẫn chứ không phải là các quy định bắt buộc và trách nhiệm của các thành viên nhóm và các thành viên nhóm là phải xây dựng các thực tiễn tốt nhất đáp ứng các yêu cầu này.

Các thành viên nhóm đánh giá, trong khi tập trung vào xem xét xem P&C có tuân thủ hay không, nhận thấy rằng việc áp dụng các tiêu chuẩn có thể khác nhau theo những cách khác nhau.

Các chính sách

Việc tuân thủ trong vùng

FSC và/hoặc các tiêu chuẩn vùng của các quan chức cung cấp hướng dẫn cho các thành viên nhóm qua việc bổ sung các chính sách tuân thủ cho một số tiêu chí. Nghiên cứu các chính sách trong P&C áp dụng trong vùng xác định xem có các chính sách gì chứng minh sự tuân thủ và biệt lập nhóm đánh giá sự nghiên cứu về điều gì. Nhóm đánh giá phải nghiên cứu tất cả các chính sách trong tất cả đánh giá hoặc kiểm tra.

“Các điều kiện”

Cần phải tránh

Một số tiêu chí liên quan đến các điều kiện bị loại bỏ vì các nhà quản lý rừng không hiểu chúng. Cần tránh việc đưa ra các điều kiện, các thành viên nhóm cần nghiên cứu các tiêu chuẩn vùng của họ, tập trung vào từng tiêu chí và chính sách, và nghiên cứu các quan chức hoặc một doanh nghiệp/ công nhân quản lý rừng để chứng minh cho các thành viên nhóm hướng dẫn về các vấn đề khó hiểu.

Th hi n s tuân th

Cách th c th hi n s tuân th

H s - Có nhi u tiêu chí r t d hi u và ch rõ nh ng vi c c n ph i th c hi n áp ng c các tiêu chí này. Vi c l u tr h s làm b ng ch ng ch ng minh s tuân th (ví d hóa n n p thu , gi y phép ho t ng chuyên môn, và các ch ng ch t p hu n) cho nhóm ánh giá ki m tra có th r t h ích, nh ng không b t bu c, i v i n v ng viên. Thông th ng, các cu c trao i gi a nhóm ánh giá v i các cán b qu n lý cung c p thông tin và s b o m mà nhóm ánh giá c n v s tuân th i v i các v n d hi u.

Tài li u - Các tiêu chí khác liên quan t i các quy nh và th t c qu n lý r ng c a n v ng viên. Có m t s tài li u nh t thi t ph i có nh ng th ng thì ng viên nên chu n b s n các tài li u gi i thi u v các chính sách và th t c c a mình. Các tài li u này c ng r t h ích cho các cán b c a n v ng viên, h tr cho vi c xác nh các m c ích, ào t o nhân viên m i, áp d ng m t cách phù h p các ho t ng qu n lý và m b o không b m t thông tin khi m t ng i qu n lý chính ngh vi c.

Các chuy n th m hi n tr ng - B n thân khu r ng th ng cung c p câu tr l i cho câu h i li u m t tiêu chí nào ó có c áp ng hay không và ây là lý do t i sao các chuy n i ki m tra, th m hi n tr ng là th i i m quan tr ng ng viên “phô tr ng” các a i m qu n lý t t nh t và nhi u thách th c nh t và c ng là th i i m cho nhóm ánh giá tìm ki m các d u hi u cho th y r ng nh ng gì mà n v ng viên nói có th c s c th c hi n hay không.

B ng ch ng v s tuân th

B ng d i ây bao g m nh ng g i ý c a các cán b ánh giá có kinh nghi m, các chuyên gia lâm nghi p và các ch th nhóm v các cách th hi n s tuân th i v i P&C. Không có cách nào m t danh sách xác nh các yêu c u c ch ng th c b i vì các ch s vùng không c ánh giá.

Các nguyên tắc và tiêu chí

Các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC	Bảng chi ng v s tuân th
<p>Nguyên tắc 1</p> <p>Ch r ng ph i tuân th t t c các lu t hi n hành c a Nhà n c và nh ng hi p nh và hi p c qu c t mà Nhà n c ã ký k t ng th i tuân th t t c các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC.</p> <p>1.1 Ch r ng tuân theo pháp lu t hi n hành c a nhà n c và a ph ng.</p> <p>1.2 N p y các kho n phí, thu , tỉ n thuê t và các kho n ph i n p h p pháp khác.</p> <p>1.3 Ch r ng tuân th t t c nh ng i u kho n c a các tho thu n qu c t mà nhà n c ã ký k t nh Công c v buôn bán các loài quý hi m (CITES), Công c v lao ng (ILO), Tho thu n qu c t v th ng m i g nhi t i (ITTA), và Công c v a d ng sinh h c.</p> <p>1.4 Nh ng mâu thu n gi a lu t pháp, quy ch , h ng d n v v và các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC s c các t ch c c p ch ng ch và các bên liên quan ho c b tác ng xem xét cho t ng tr ng h p vì m c ích ch ng ch .</p> <p>1.5 Di n tích r ng c b o v t t ch ng khai thác không h p pháp, l n chi m và nh ng ho t ng trái phép khác.</p> <p>1.6 Ch r ng cam k t th c hi n lâu dài các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Có các tài li u tham kh o và hi u rõ các lu t hi n hành v qu n lý r ng áp d ng t i a ph ng, trong vùng và trên ph m vi qu c gia, có th bao g m các lu t v lâm nghi p, lao ng, s d ng lao ng, ng v t hoang dã, ch t l ng n c, các loài có nguy c p, v n chuy n, xâm l n ho c các lu t khác v s d ng t liên quan t i các ho t ng. Có các tài li u tham kh o v các công c lu t qu c t nh CITES, ILO, ITTA và Công c v a d ng sinh h c. (Xem www.cites.org, www.ilo.org, www.itto.or.jp) m b o r ng ch th nhóm và các thành viên nhóm l u gi h s v i c tuân th lu t pháp. m b o r ng ch th nhóm và các thành viên nhóm ã n p các kho n thu và phí và có y hóa n ch ng t . Có b ng ch ng xác th c v các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC, nh t cách thành viên FSC, tài li u c a ch th nhóm v FSC.
<p>Nguyên tắc 2</p> <p>Quy n s h u và s d ng lâu dài t và tài nguyên r ng c xác l p rõ ràng, tài li u hóa và h p pháp hóa.</p> <p>2.1 Có b ng ch ng rõ ràng v quy n s d ng lâu dài i v i t (nh tên th a t, nh ng quy n theo phong t c, ho c các h p ng thuê t) (e.g. quy n s h u t, quy n theo phong t c ho c h p ng thuê t).</p> <p>2.2 Các c ng ng a ph ng có quy n s h u ho c s d ng th p pháp ho c theo phong t c ph i duy trì v i c qu n lý các ho t ng lâm nghi p m c c n thi t b o v các quy n l i ho c tài nguyên c a mình, tr khi h y quy n cho nh ng t ch c khác m t cách t ng uy n.</p>	<ul style="list-style-type: none"> m b o r ng các thành viên nhóm có y b ng ch ng v quy n s h u và s d ng t. ánh d u ranh gi i r ng trên th c a. Xây d ng th t c gi i quy t tranh ch p. (Xem Tài li u #9: Quy nh Gi i quy t tranh ch p)

Các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC	Bảng chi ngữ s tuân thủ
<p>2.3 Áp dụng các cách thích hợp gì quy trình mâu thuẫn quy ns h u và s d ng. M i tình hu ng n y sinh và các mâu thuẫn ch a c gi i quy t s c xem xét c n th n trong quá trình ánh giá c p ch ng ch . Nh ng mâu thuẫn l n liên quan n l ích c a nhi u ng i thông th ng c xem là không t yêu c u c p ch ng ch .</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Gi i quy t t c các v n liên quan t i quy n s d ng t cho các bên th ba (ví d , quy n xây d ng, hành lang an toàn, s d ng theo truy n th ng, các tài nguyên v n hóa, s n b t, quy n i v i ngu n n c)
<p>Nguyên tắc 3</p> <p>Quy n h p pháp và theo phong t c c a ng i dân s t i v s h u, s d ng và qu n lý t ai, lãnh th và các ngu n l c c a h ph i c th a nh n và tôn tr ng.</p> <p>3.1 Ng i dân s t i s th c hi n qu n lý r ng trên nh ng di n tích t và lãnh th c a h tr khi h t nguy n u quy n cho nh ng t ch c khác.</p> <p>3.2 Công tác qu n lý r ng ph i không tác ng x u ho c làm gi m, tr c ti p ho c gián ti p, n quy n s d ng t và s h u tài nguyên c a ng i dân s t i.</p> <p>3.3 Nh ng n i có ý ngh a c bi t v n hoá, sinh thái, kinh t , ho c tôn giáo i v i dân s t i s c xác nh rõ ràng v i s h p tác c a h , và c công nh n và b o v b i nh ng ng i qu n lý r ng.</p> <p>3.4 Ng i dân s t i c chỉ tr n u nh ng ki n th c truy n th ng c a h c ng d ng trong v i c s d ng các loài cây r ng ho c các h th ng qu n lý r ng. S chỉ tr này ph i c dân s t i t nguy n nh t trí chính th c tr c khi nh ng ho t ng lâm nghi p b t u.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Kì m tra tình tr ng s d ng theo truy n th ng và các quy n h p pháp c a ng i dân s t i i v i tài s n c a thành viên. • Ph i h p và trao i v i ng i dân s t i v i c b o v các quy n s h u tài nguyên, quy n s h u trí tu và các a i m v n hóa và kh o c h c. • m b o r ng các nghiê n c u v kh o c h c c th c hi n tr c khi t i n hành các ho t ng qu n lý. (Xem Tài li u #10: M u Nghiê n c u kh o c h c) • Các a i m kh o c h c c ánh d u trên hi n tr ng nh m b o v chúng kh i b h h i.
<p>Nguyên tắc 4</p> <p>Nh ng ho t ng qu n lý r ng có tác d ng duy trì ho c t ng c ng phúc l i kinh t xã h i lâu dài c a công nhân lâm nghi p và các c ng ng a ph ng.</p> <p>4.1 Nh ng c ng ng sinh s ng trong ho c g n di n tích r ng qu n lý c t o c h i v i c làm, ào t o, và nh ng d ch v khác.</p> <p>4.2 Ch r ng ph i t c ho c v t nh ng tiêu chu n hi n hành c a lu t pháp v b o v s c kho , an toàn lao ng cho công nhân và gia ình h .</p> <p>4.3 Công nhân c m b o quy n t ý ki n và th ng th o t nguy n v i ng i s d ng lao ng nh ã ghi trong Công c 87 và 98 c a T Ch c Lao ng Qu c T (ILO).</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Xây d ng v n b n h ng d n v an toàn lao ng và m b o r ng các công nhân u tuân thủ nh ng h ng d n này. Các h ng d n nên bao g m ào t o v an toàn lao ng và s c u ban u c ng nh các cu c kì m tra v an toàn nh k • m b o r ng các nhà th u có các h ng d n v an toàn lao ng. • m b o r ng các thi t b an toàn lao ng c s d ng t i hi n tr ng làm vi c – m c ng, trang thi t b b o v , v.v..

Các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC	Bảng chi ng v s tuân th
<p>4.4 Vi c l p và th c hi n k ho ch qu n lý ph i bao g m nh ng k t qu ánh giá v m t tác ng xã h i. Vi c tham kh o ý k i n c a ng i dân và nh ng nhóm ng i ch u tác ng tr c ti p c a ho t ng qu n lý r ng ph i c duy trì.</p> <p>4.5 Có c ch phù h p gi i quy t nh ng khi u n i và th c hi n n bù công b ng trong tr ng h p làm m t ho c gây thi t h i n nh ng quy n l i h p pháp ho c theo phong t c, n tài s n, tài nguyên, ho c cu c s ng c a ng i dân s t i. Ph i có nh ng bi n pháp phòng ng a nh ng m t mát ho c thi t h i nh v y.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • m b o r ng các nhà th u ho c công nhân lâm nghi p có b o hi m tai n n ngh nghi p ho c m t hình th c khác b o m tính b n v ng v tài chính c a nh ng công nhân b th ng. • Yêu c u các nhà th u ho c công nhân có b o hi m trách nhi m ho c m t hình th c khác b o m tính b n v ng v tài chính c a ng i dân s t i, ng i dân s ng khu v c xung quanh, và các c ng ng có tài s n ho c sinh k b nh h ng b i các ho t ng qu n lý r ng. • Xây d ng th t c gi i quy t khi u n i. (Xem Tài li u #9: Quy nh v Gi i quy t tranh ch p) • Tham v n c ng ng a ph ng, ng i dân s ng khu v c xung quanh, và công nhân v nh ng nh h ng có th có c a các ho t ng qu n lý. (Xem Tài li u #11: Danh sách các bên có liên quan)
<p>Nguyên tắc 5</p> <p>Nh ng ho t ng qu n lý r ng có tác đ ng khuy n khích s đ ng có hi u qu các s n ph m và d ch v t r ng m b o tính b n v ng kinh t và tính a đ ng c a nh ng l i ích môi tr ng và xã h i.</p> <p>5.1 Ch r ng ph n u t i m c tiêu b n v ng kinh t trong khi v n quan tâm y n nh ng v n v môi tr ng và xã h i, giá thành s n xu t, và m b o dành nh ng u t c n thi t duy trì n ng su t sinh thái c a r ng.</p> <p>5.2 Các ho t ng qu n lý r ng và ho t ng ti p th có tác đ ng khuy n khích s đ ng và ch bi n t i u t i ch nh ng s n ph m a đ ng c a r ng.</p> <p>5.3 Ch r ng h n ch n m c th p nh t l ng ph th i trong quá trình khai thác, ch bi n t i ch và tránh gây t n h i cho nh ng ngu n tài nguyên khác c a r ng.</p> <p>5.4 Ch r ng luôn tìm cách t ng c ng và a đ ng hoá kinh t a ph ng, tránh ph thu c vào m t lo i lâm s n duy nh t.</p> <p>5.5 Các ho t ng qu n lý r ng ph i nh n ra, duy trì, và t ng c ng, n u thích h p, các giá tr c a ch c n ng ph c v c a r ng và nh ng tài nguyên r ng nh phòng h u ngu n và thu s n.</p> <p>5.6 M c khai thác lâm s n không c v t quá m c có th duy trì tài nguyên r ng c n nh lâu dài.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • m b o r ng kho n t i n thu c t ho t ng qu n lý r ng duy trì c s h t ng qu n lý r ng. • Xây d ng k ho ch kinh doanh r ng. • m b o r ng s n ph m c a các thành viên u c bán v i giá t t nh t. Duy trì danh sách các m c giá b th u. • Tài li u hóa các ph ng pháp và k t qu ki m kê r ng. • a ra đ n ch ng b ng tài li u cho th y r ng các ph ng pháp ki m kê r ng có giá tr v m t khoa h c ã c s đ ng c l ng m c t ng tr ng, s n l ng và m c khai thác cho phép.

Các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC	Bảng chi ngữ s tuân thủ
<p>Nguyên tắc 6</p> <p>Chức năng thc hi n b o t n a d ng sinh h c và nh ng giá tr c a a d ng sinh h c, ngu n n c, t ai, các h sinh thái và sinh c nh c thù đ b t n th ng qua ó duy trì các ch c n ng sinh thái và tính toàn v n c a r ng.</p> <p>6.1 Các ánh giá tác ng môi tr ng phi c th c hi n t ng ng v i m c , c ng qu n lý r ng và s toàn v n c a các tài nguyên b tác đ ng, và phi c k t h p m t cách th ng nh t trong nh ng h th ng qu n lý. Các ánh giá này phi bao g m nh ng xem xét c p toàn c nh c ng nh m c tác ng c a ho t ng ch bi n t i ch . Các tác ng môi tr ng phi c ánh giá tr c khi b t u nh ng ho t ng gây tác h i n môi tr ng.</p> <p>6.2 Th c hi n b o v các loài quý hi m, b e d a và nguy c p và môi tr ng s ng c a chúng (ví d nh n i làm t , ngu n th c n v.v.). Phi xây đ ng nh ng khu b o t n, b o v phù h p v i quy mô và c ng qu n lý r ng và s toàn v n c a các ngu n tài nguyên b tác ng. Các ho t ng s n b t, ánh b y và thu l m lâm s n không phù h p phi c ki m soát, ng n ch n</p> <p>6.3 Các giá tr và ch c n ng sinh thái c duy trì nguyên v n, t ng c ng ho c ph c h i, bao g m:</p> <p>a) Ph c h i tái sinh và di n th sinh thái. b) a d ng di truy n, loài, và h sinh thái. c) Các chu trình t nhiên tác ng n n ng su t c a h sinh thái r ng.</p> <p>6.4 B o v nguyên tr ng các m u i di n c a các h sinh thái hi n có t ng ng v i ph m vi và c ng ho t ng s n xu t kinh doanh r ng và s toàn v n c a các ngu n tài nguyên b tác ng ng th i th hi n các m u ó trên b n .</p> <p>6.5 Xây đ ng và th c thi các v n b n h ng đ n v ch ng xối mòn, h n ch t i a nh ng tác h i n r ng trong quá trình khai thác, làm ng giao thông và nh ng ho t ng gây xáo tr n khác b o và v ngu n n c.</p> <p>6.6 Các h th ng qu n lý phi i khuy n khích vi c xây đ ng và áp đ ng các ph ng pháp ki m soát đ ch b nh không s đ ng hoá ch t và có l i cho môi tr ng và tránh s đ ng thu c tr sâu. Không s đ ng nh ng hoá ph m 1A và 1B trong danh m c c a T ch c y t th gi i (WHO), các lo i thu c tr sâu ch a hydrat cacbon chlorin, các lo i thu c tr sâu khó phân h y, c h i ho c có ch a nh ng ho t ch t sinh h c trong các chu i th c n, c ng nh t t c các lo i thu c phòng tr sâu b nh khác b c m b i các hi p nh qu c t . N u s đ ng hoá ch t khác thì phi có các trang thi t b phù h p và công nhân phi c ào t o gi m thi u t i a tác h i t i s c kho và môi tr ng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Ti n hành ánh giá các tác ng t i tài nguyên r ng và môi tr ng tr c khi khai thác. • [Ti n hành kh o sát v các loài quý hi m, b e d a ho c nguy c p tr c khi th c hi n khai thác. • [Tìm ki m thông tin v nh ng l n quan sát c, các t p tính, và các bi n pháp b o v các loài nguy c p t các ngu n nh các c quan chính ph , các ch ng trình di s n thiên nhiên ho c c s đ li u thông qua trang web c a các NGO. (Xem International CITES- www.cites.org, IUCN- www.redlist.org, và các c s đ li u khác: http://eelink.net/EndSpp/, www.endangeredspecie.com, www.natureserve.org) • [Các loài quý hi m, b e d a và nguy c p và môi tr ng s ng c a chúng c b o v và các bi n pháp nâng cao ch t l ng môi tr ng s ng c a vào trong k ho ch qu n lý. (Xem Tài li u #4: Các m c tiêu qu n lý c a ch th nhóm) • Các ph ng pháp nâng cao a d ng sinh h c (nh gi l i cây quá thành th c, cây có giá tr trong t ng lai, g c cây, cành nhánh) c xem xét khi l p k ho ch qu n lý r ng. • Các h sinh thái i di n c xác nh và b o v phù h p v i khu r ng c a t ng thành viên. • Chu n b k ho ch khai thác cho t ng t khai thác. (Xem Tài li u #12: K ho ch khai thác và ánh giá tác ng môi tr ng) • [Xây đ ng các k ho ch qu n lý đ ch h i t ng h p gi i quy t các v n v sâu b nh. (Xem Tài li u #14: Quy nh v s đ ng thu c sâu) • Có các quy nh v s đ ng thu c sâu và vi c s đ ng thu c sâu phi c ghi chép c n th n. (Xem Tài li u #14: Quy nh v s đ ng thu c sâu, và Tài li u #15: Báo cáo v tình hình s đ ng thu c sâu hàng n m)

Các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC	Bảng chi ng v s tuân th
<p>6.7 Nh ng hoá ch t, chai h p ng, ch t th i l ng và r n v c , k c nhiên li u và d u, c l u gi n i an toàn i v i môi tr ng.</p> <p>6.8 Vi c s d ng các ch p h m sinh h c ph i c tài li u hoá, h n ch và giám sát và ki m soát nghiêm ng t phù h p v i lu t pháp trong n c và các ngh nh th khoa h c c ch p nh n trên th gi i.</p> <p>6.9 Nghiêm c m vi c s d ng các sinh v t bi n i gen.</p> <p>6.10 Ki m soát và giám sát ch t ch vi c s d ng các loài nh p n i tránh nh ng tác h i sinh thái.</p> <p>6.11 Không chuy n t r ng t nhiên thành r ng tr ng ho c vào m c ích s d ng khác tr nh ng tr ng h p sau:</p> <p>a) Ph n chuy n i r t nh so v i t ng đi n tích qu n lý; và</p> <p>b) Ph n chuy n i không thu c nh ng đi n tích r ng có giá tr b o t n cao; và</p> <p>c) Vi c chuy n i ó có tác đ ng rõ ràng, áng k và lâu dài i v i công tác b o t n c a n v .</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Không s d ng các loài nh p n i và ki m soát c n th n các loài ang sinh s ng t i khu v c qu n lý. • Tuân th các bi n pháp gi m thi u tác ng nh m h n ch xói mòn t, b o v ngu n n c và gi m thi u thi t h i i v i r ng khi ti n hành các ho t ng qu n lý. (Xem Tài li u #13 Phân lo i th m h a xói mòn t m t c tính, và Tài li u #19: Báo cáo giám sát các loài th y c)
<p>Nguyên tắc 7</p> <p>L p, th c hi n và c p nh t k ho ch qu n lý phù h p v i ph m vi và c ng ho t ng lâm nghi p. c p c th nh ng m c tiêu qu n lý dài h n và bi n pháp th c thi c th .</p> <p>7.1 K ho ch qu n lý và nh ng v n b n liên quan ph i th hi n c:</p> <p>a) Nh ng m c tiêu qu n lý.</p> <p>b) Mô t nh ng tài nguyên c qu n lý, nh ng h n ch v môi tr ng, hi n tr ng s h u và s đ ng t, i u ki n kinh t xã h i, và tình hình vùng xung quanh.</p> <p>c) Mô t h th ng qu n lý lâm sinh và/ho c nh ng h th ng khác trên c s sinh thái c a khu r ng và thu th p thông tin thông qua i u tra tài nguyên.</p> <p>d) C s c a vi c nh m c khai thác r ng hàng n m và vi c ch n loài.</p> <p>e) Các n i dung quan sát v sinh tr ng và ng thái c a r ng.</p> <p>f) S an toàn môi tr ng trên c s nh ng ánh giá v môi tr ng.</p> <p>g) Nh ng k ho ch nh n đ ng và b o v các loài quý hi m nguy c p.</p> <p>h) Nh ng b n mô t tài nguyên r ng k c các khu v c c b o v , nh ng ho t ng trong k ho ch, và s h u t.</p> <p>i) Mô t và bi n lu n v k thu t khai thác và nh ng thi t b s d ng.</p>	

Các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC	Bảng chi ng v s tuân th
<p>7.2 K ho ch qu n lý r ng c nh k i u ch nh trên c s nh ng k t qu kh o sát o m và nh ng t i n b khoa h c k thu t m i, c ng nh thích ng v i nh ng thay i v môi tr ng và kinh t -xã h i.</p> <p>7.3 T ch c ào t o thích h p cho công nhân lâm nghi p và giám sát h m b o th c hi n thành công k ho ch qu n lý.</p> <p>7.4 Trong khi v n tuân th quy nh v gi bí m t thông tin, nh ng nhà qu n lý r ng ph i thông báo r ng rãi b n tóm t t nh ng i m c b n c a k ho ch qu n lý, k c nh ng i m nói Tiêu chí 7.1.</p>	
<p>Nguyên tắc 8</p> <p>Th c hi n ki m tra và ánh giá, t ng ng v i quy mô và c ng c a ho t ng qu n lý r ng, ánh giá hi n tr ng r ng, s n l ng lâm s n, chu i hành trình s n ph m, các ho t ng qu n lý r ng và nh ng tác ng môi tr ng và xã h i c a nh ng ho t ng ó.</p> <p>8.1 T n s và c ng ki m tra t ng ng v i m c và c ng các ho t ng qu n lý r ng c ng nh m c ph c t p và tính d b t n th ng c a môi tr ng b tác ng. Các th t c ki m tra ph i nh t quán và c thay th theo th i gian có th so sánh nh nng k t qu và ánh giá c nh ng thay i.</p> <p>8.2 Ho t ng qu n lý r ng bao g m c vi c nghiê n c u và thu th p các thông tin tin c n thi t cho ki m tra, m c t i thi u, nh ng ch s sau ây:</p> <p>a) S n l ng c a t t c các lâm s n ã c khai thác.</p> <p>b) T c t ng tr ng, tái sinh và tình tr ng c a r ng.</p> <p>c) Thành ph n và nh ng thay i quan sát c trong gi i th c v t và ng v t.</p> <p>d) Nh ng tác ng v môi tr ng và xã h i do ho t ng khai thác và nh ng ho t ng khác gây ra.</p> <p>e) Chi phí, n ng su t và hi u qu c a ho t ng qu n lý r ng.</p> <p>8.3 Ch r ng cung c p tài li u các c quan ki m tra và c p ch ng ch có th theo dõi t ng lo i lâm s n t n i xu t phát thông qua m t quy trình gi i là “chu i hành trình s n ph m”.</p> <p>8.4 Nh ng k t qu ki m tra c s d ng th c thi và i u ch nh k ho ch qu n lý.</p> <p>8.5 Trong khi v n tuân th quy nh v gi bí m t thông tin, nh ng nhà qu n lý r ng ph i thông báo công khai b n tóm t t k t qu ki m tra ánh giá các ch s , k c các ch s c p t i tiêu chí 8.2.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • K ho ch và s li u giám sát bao g m: s t ng tr ng và n ng su t c a r ng, c u trúc r ng, các y u t v môi tr ng, xã h i và kinh t , các khu r ng có giá tr b o t n cao và ánh giá sau thu ho ch trên t c a t ng thành viên. (Xem <u>Tài li u #16: Danh sách ki m tra K ho ch giám sát</u>) • [L u gi h s v t t c các lo i lâm s n c khai thác trên t ho c khu v c qu n lý c a t ng thành viên. (Xem <u>Tài li u #17: Báo cáo giám sát sau thu ho ch</u>, <u>Tài li u #18: Khung giám sát h sinh thái k t h p</u>, và <u>Tài li u #19: Báo cáo giám sát v các loài th y s n</u>) • [L u gi thông tin v doanh s và các tài li u v n chuy n t i n cho vi c theo dõi lâm s n t r ng t i n i s n xu t u tiên (chu i hành trình s n ph m). (Xem <u>Tài li u #20: Các tiêu chu n v chu i hành trình s n ph m</u>, và <u>Tài li u #21: Phi u v n chuy n chu i hành trình s n ph m</u>) • [Công b r ng rãi b n tóm t t các k t qu giám sát. (Xem <u>Tài li u #6: Báo cáo giám sát thành viên nhóm</u>)

Các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC	Bảng chi ngữ s tuân thủ
<p>Nguyên tắc 9</p> <p>Các hoạt động quản lý rừng các khu rừng có giá trị bảo tồn cao có tác động duy trì hoặc tăng cường các thuộc tính của những khu rừng đó. Những quy định liên quan đến các khu rừng có giá trị bảo tồn cao luôn cần nhắc đến trên cơ sở môi trường pháp phòng ngừa.</p> <p>9.1 Chương trình chi nhánh phải xác định sự hiện diện của các thuộc tính của những khu rừng có giá trị bảo tồn cao phù hợp với quy mô và chức năng quản lý rừng.</p> <p>9.2 Tiến trình lập kế hoạch phải xem xét những vị trí tham khảo ý kiến của các bên về các giá trị bảo tồn để xác định và các quy định duy trì các giá trị đó.</p> <p>9.3 Trong kế hoạch quản lý có các biện pháp nhằm bảo vệ duy trì và/hoặc nâng cao các thuộc tính bảo tồn hiện hành phù hợp với pháp phòng ngừa có hiệu lực. Các quy định này được thể hiện rõ ràng trong phần tóm tắt kế hoạch quản lý thông báo công khai.</p> <p>9.4 Chương trình chi nhánh kiểm tra đánh giá hàng năm về hiệu lực của các quy định pháp lập kế hoạch duy trì hoặc tăng cường các thuộc tính bảo tồn hiện hành.</p> <p><i>Các khu rừng có giá trị bảo tồn cao là các khu rừng có một hoặc nhiều thuộc tính sau:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <i>các diện tích rừng tập trung các giá trị đa dạng sinh học có ý nghĩa toàn cầu, khu vực học quốc gia (chẳng hạn như các loài thực vật, các loài nguy cấp, loài di cư) và/hoặc các khu rừng có các mối quan hệ liên quan đến văn hóa, lịch sử, là nơi sinh sống của các loài thực vật quý hiếm tự nhiên theo các khu phân bố và phong phú tự nhiên</i> <i>các diện tích rừng nằm bên trong hoặc bao gồm các hệ sinh thái quý hiếm, hoang dã hoặc nguyên vẹn</i> <i>các diện tích rừng cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái trong các tình huống nghiêm ngặt (chẳng hạn như bảo vệ nguồn nước, kiểm soát tình trạng xói mòn đất)</i> <i>các diện tích rừng thì yếu trong việc áp dụng các nhu cầu bền vững về kinh tế xã hội (chẳng hạn như sinh kế, sức khỏe) và/hoặc đóng vai trò quan trọng về văn hóa, truyền thống hoặc các công nghệ địa phương (các khu vực có ý nghĩa văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo) xác định về mặt pháp lý các công nghệ địa phương</i> 	<ul style="list-style-type: none"> Xác định các khu rừng có giá trị bảo tồn cao và/hoặc các thuộc tính tiềm ẩn trong vùng qua việc tham khảo các cơ sở dữ liệu, báo cáo nghiên cứu và các trang web có liên quan. Tham vấn với các bên liên quan trong việc xác định các khu rừng có giá trị bảo tồn cao. (Xem Tài liệu #11: Danh sách các bên liên quan) Đánh giá các thuộc tính của các khu rừng có giá trị bảo tồn cao của các thành viên. Các thuộc tính này được xác định thông qua nghiên cứu kỹ thuật trên hoặc qua tham vấn với các bên liên quan. (Xem Tài liệu #12: Kế hoạch khai thác và đánh giá tác động môi trường) Các kế hoạch duy trì và cải thiện rừng có giá trị bảo tồn cao được đưa vào trong kế hoạch quản lý rừng (Xem Nguyên tắc 7). Giám sát hiệu lực của các hoạt động quản lý tại các khu rừng có giá trị bảo tồn cao (Xem Nguyên tắc 8).

Các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC	Bảng chi ng v s tuân th
<p>Nguyên tắc 10</p> <p>Rừng trồng quy hoạch và quản lý phù hợp với các Nguyên tắc và Tiêu chí 1 đến 9 và Nguyên tắc 10 và các tiêu chí của nó. Mục đích rừng trồng có thể liên quan đến lợi ích kinh tế và xã hội và đáp ứng các nhu cầu văn hóa, tâm linh, giáo dục, nghiên cứu, bảo tồn, nghỉ ngơi, giải trí, thể thao, du lịch, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ các loài nguy cấp, bảo vệ các khu vực tự nhiên, làm giảm áp lực lên rừng tự nhiên, giúp phục hồi và bảo tồn rừng tự nhiên.</p> <p>10.1 Những mục tiêu quản lý các rừng trồng, kể cả những mục tiêu bảo tồn và phục hồi rừng tự nhiên, được ghi rõ trong kế hoạch quản lý và phải được thể hiện rõ ràng vì các chi tiết cụ thể.</p> <p>10.2 Việc thiết kế và bố trí rừng trồng phải có tác động thúc đẩy bảo vệ, phục hồi và bảo tồn rừng tự nhiên và không làm tăng áp lực lên rừng tự nhiên. Trong việc bố trí rừng trồng có giành ra các hành lang bảo vệ những vùng hoang dã, các vùng cửa sông suối và các đầm lầy, rừng rậm rạp có tuế và chu kỳ khác nhau phù hợp với quy mô hoạt động rừng trồng. Quy mô và cách bố trí các kho chứa rừng trồng phù hợp với kích thước các lâm phần rừng như thể hiện trong phạm vi cảnh quan tự nhiên.</p> <p>10.3 Cấu trúc các rừng trồng nên đảm bảo tính bền vững về kinh tế, sinh thái và xã hội. Sản phẩm này có thể bao gồm quy mô, phân bố và không gian của các đơn vị quản lý trong phạm vi cảnh quan, số lượng và thành phần về loài, cấu trúc và cấu trúc.</p> <p>10.4 Lựa chọn loài cây trồng phù hợp với điều kiện địa phương và các mục tiêu quản lý. Tính bền vững bảo tồn tính đa dạng sinh học, ưu tiên chọn các loài cây bản địa rừng trồng và phục hồi những khu rừng đã thoái hóa. Chọn những loài cây bản địa có năng suất cao hơn những loài bản địa, trong trường hợp này phải theo dõi cẩn thận phát hiện ra tình trạng cây chết bất thường, sâu, bệnh và những tác động tiêu cực vì môi trường sinh thái.</p> <p>10.5 Giành một phần diện tích quản lý rừng như thể hiện phù hợp với tình hình tích rừng trồng và các xác nhận theo các tiêu chuẩn vùng, quản lý vì mục đích phục hồi thành rừng tự nhiên.</p> <p>10.6 Có những biện pháp bảo vệ và cắt tỉa cấu trúc, phục hồi và hoạt động sinh học của đất. Kỹ thuật và tần suất khai thác, việc thiết kế và bố trí các đường băng cũng như việc chọn loài cây trồng phải đảm bảo không gây thoái hóa đất lâu dài và không ảnh hưởng xấu đến nguồn nước và dòng chảy.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Chỉ rõ các mục tiêu quản lý rừng trồng. • Các loài của các rừng trồng phải được xác định rõ ràng. • Thể hiện quản lý để bảo vệ những vùng hoang dã, các vùng cửa sông suối (Xem Nguyên tắc 6). • Thể hiện các biện pháp duy trì và cải thiện chất lượng đất và nguồn nước. • Sản phẩm về loài, nguồn gen và cấu trúc tính bền vững trong công tác quản lý rừng trồng.

Các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC	Bảng chi ng v s tuân th
<p>10.7 Có nh ng bi n pháp ng n ng a và h n ch n m c th p nh t đ ch b nh, cháy r ng và s nh p n i tràn lan nh ng loài cây m i. Phòng tr đ ch b nh t ng h p c xem là m t khâu quan tr ng trong k ho ch qu n lý, đ a tr c h t vào bi n pháp phòng ng a và di t b nh b ng ph ng pháp sinh h c h n là s đ ng thu c sâu và phân bón. Ch r ng ph i tìm m i cách tránh dùng thu c sâu và phân bón, k c trong các v n m. Vi c s đ ng các hoá ch t c ng ã c c p n các tiêu chí 6.6 và 6.7.</p> <p>10.8 Tu theo ph m vi và m c a đ ng c a ho t ng tr ng r ng, công tác giám sát r ng tr ng ph i bao g m vi c ánh giá th ng xuyên nh ng tác ng sinh thái-xã h i trong và ngoài khu v c (ch ng h n nh tác ng n tái sinh t nhiên, ngu n n c, phì c a t, thu nh p, phúc l i c a c dân a ph ng) ngoài nh ng i m nh ã nói nh ng Nguyên t c 8, 6, và 4. Không c tr ng b t k loài cây nào ph m vi r ng n u ch a có nh ng th nghi m a ph ng ho c ch a có nh ng kinh nghi m ch c ch n cho th y nh ng loài cây ó thích nghi t t v i i u ki n l p a, không xâm nh p tràn lan và không gây tác h i áng k n các h sinh thái khác. C n c bi t l u ý n nh ng v n xã h i trong vi c thu h i t tr ng r ng, nh t là liên quan n vi c b o v quy n s h u ho c s đ ng c a ng i dân a ph ng.</p> <p>10.9 R ng tr ng trên t chuy n i t r ng t nhiên sau tháng 11 n m 1994 thông th ng s không c c p ch ng ch . R ng tr ng lo i này ch c c p ch ng ch trong tr ng h p có b ng ch ng là ch r ng không ch u trách nhi m tr c ti p ho c gián ti p v s chuy n i ó.</p>	

5: **ánh giá và Kiểm tra**

Nhóm đánh giá

Tổng quan

Quá trình đánh giá và kiểm tra có thể được thực hiện bởi các nhóm công tác nội bộ hoặc các đánh giá viên độc lập khác. Phần này trình bày về các nhóm đánh giá, các bên liên quan, cách thức làm việc của các thành viên của nhóm đánh giá, và những lưu ý mà bạn có thể nhận được sau khi hoàn thành đánh giá.

Thành viên nhóm đánh giá

Mỗi nhóm đánh giá gồm hai đến bốn thành viên có quan hệ công việc chặt chẽ với nhau trong đánh giá của họ. Các thành viên nhóm bao gồm một trưởng nhóm, thường là người có kinh nghiệm về đánh giá có thể được FSC, và các cán bộ đánh giá có kinh nghiệm và các hoạt động lâm nghiệp, sinh thái và các vấn đề xã hội trong vùng.

Chức năng

Chức năng của nhóm đánh giá

Việc chức năng của nhóm đánh giá bao gồm nghiên cứu các nguyên tắc và tiêu chí FSC phù hợp với khu vực, các tài liệu mà chính nhóm cung cấp, và sắp xếp/tạo ra các câu hỏi và các vấn đề mà nhóm quan tâm để tra trong quá trình đánh giá. Đôi khi, nhóm tiến hành một số cuộc phỏng vấn ban đầu với các cán bộ của chính nhóm và các bên có liên quan.

Nhiệm vụ của nhóm

Khi thực hiện đánh giá có thể được thực hiện bởi nhóm, nhóm đánh giá:

- [Nghiên cứu quy trình của chính nhóm và các thành viên nhóm, công tác lập kế hoạch quản lý và các tài liệu về giám sát đánh giá
- [Xem xét năng lực của chính nhóm trong việc quản lý hoạt động nhóm và giám sát hoạt động của các thành viên
- [Đánh giá các hoạt động quản lý rừng và rừng trồng trên tất cả các thành viên nhóm (ví dụ, khai thác, làm rừng, lâm sinh, duy trì môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và an toàn lao động cho công nhân)
- [Phỏng vấn các bên có liên quan phục vụ cho việc đánh giá bên trong các hoạt động quản lý và các quy trình và hoạt động của chính nhóm và thành viên nhóm.

Ti n ánh giá

Chu n b

c a Ch th nhóm

Ch th nhóm ph i chu n b ón ti p nhóm ánh giá và h tr h có m t ánh giá công b ng, k l ng và chính xác.

Tr c khi nhóm ánh giá t i, ch th nhóm nên:

- [Ký m t th a thu n v i c quan c p ch ng ch ã quy nh các i u kho n th c hi n ánh giá
- [Ch nh m t ng i ch u trách nhi m v thông tin liên l c v i c quan c p ch ng ch và tr ng nhóm ánh giá
- [H tr cho c quan c p ch ng ch trong vi c lên k ho ch ánh giá và lo vi c i l i và n i ngh ng i cho nhóm ánh giá
- [Cung c p cho c quan c p ch ng ch danh sách các bên liên quan c a c ch th nhóm và các thành viên nhóm c quan c p ch ng ch thông báo và ph ng v n riêng ho c công khai
- [Thu th p và cung c p t t c các tài li u và b n mà nhóm ánh giá yêu c u. ôi khi có th g i các tài li u này cho nhóm ánh giá nghiên c u tr c khi ti n hành ánh giá nh m th c hi n hi u qu công tác ánh giá
- [Thông báo cho các cán b có liên quan và các t v n v cu c ánh giá và m b o r ng h s tham gia các cu c ph ng v n và các chuy n i hi n tr ng trong quá trình th c hi n ánh giá

L u ý: Các thông tin riêng v ch th nhóm và nh n xét c a các bên liên quan ph i c gi bí m t.

Thông báo cho các bên liên quan

Các bên liên quan là các thành viên quan tr ng trong b t k cu c ánh giá nào. Các bên liên quan c thông báo v cu c ánh giá ít nh t 30 ngày tr c khi ti n hành ánh giá. Thông báo c a lên trang web c a c quan c p ch ng ch . Danh sách các thành viên FSC trong n c và trong vùng và các bên liên quan c thông báo tr c ti p qua ng b u i n ho c th i n t .

ánh giá chính

Thời gian

tham gia

Nhóm đánh giá sẽ dành khoảng 2 đến 10 ngày để tham vấn phòng và các cá nhân ngoài tham gia của nhân viên. Thời gian thực hiện đánh giá phụ thuộc vào quy mô và mức phức tạp của hoạt động lâm nghiệp.

Hợp vụ

Tổ chức đánh giá

Trước khi bắt đầu thực hiện đánh giá, một cuộc họp tổ chức đánh giá sẽ được tổ chức trong phòng của các thành viên nhóm. Mục đích của cuộc họp này là xác định và làm rõ các thông số đánh giá. Các nhiệm vụ của cuộc họp này có thể bao gồm:

- [] Giới thiệu nhóm đánh giá và các cán bộ của các thành viên nhóm tham gia vào cuộc đánh giá
 - [] Rà soát quá trình đánh giá, các yêu cầu và những kỳ vọng mong muốn
 - [] Đánh giá nhu cầu cho cuộc đánh giá, bao gồm các vấn đề về phòng, thời gian, địa điểm, gặp gỡ các cán bộ, các bên có liên quan và lựa chọn địa điểm
 - [] Nghiên cứu các tài liệu, bản vẽ và những nhiệm vụ cho quá trình đánh giá
 - [] Nghiên cứu hệ thống quản lý của các thành viên nhóm, các vị trí liên quan, các hình thức giám sát và trách nhiệm của các nhân viên
 - [] Các cán bộ của các thành viên nhóm trình bày khái quát về công tác quản lý rừng trong quá khứ, hiện tại và tương lai cũng như những mong muốn về chức năng quản lý rừng
-

Mục đích

tham gia

Trong quá trình tiếp cận các nhiệm vụ tổ chức các chuyên viên tham gia. Đây là dịp cho các cán bộ hoặc chuyên gia của các thành viên nhóm giới thiệu và nhóm đánh giá về các hoạt động quản lý của họ và chứng minh rằng công việc ngoài tham gia rừng thực hiện theo đúng những khuyến nghị trong kế hoạch quản lý.

M c i th m hi n tr ng?

Trong các ánh giá và ki m tra c p ch ng ch nhóm, ch m t s khu r ng c ch n nhóm ánh giá n th m. Thông th ng 30% các thành viên nhóm c nhóm ánh giá n th m, tùy thu c vào s l ng và quy mô c a ho t ng c th c hi n t i n v. i n hình nh toàn b di n tích t c ch ng ch c n th m ít nh t m t l n trong niên h n n m n m. i u này c ng t ng t nh nh ng gì x y ra trong các cu c ánh giá các ch r ng l n.

a i m

i th m hi n tr ng

Các a i m i th m hi n tr ngs :

- c quy t nh b i nhóm ánh giá và các cán b c a ch th nhóm nh m xây d ng k ho ch ki m tra hi n tr ng trong ó cung c p m u i di n v các ho t ng qu n lý c a công ty.
 - D a trên c s chi n l c l y m u các bi n s qu n lý nh :
 - Các lo i r ng
 - Các h th ng lâm sinh
 - Các v n c ng ng
 - Ch r ng cá nhân/quy mô di n tích qu n lý và các m c ích qu n lý
-

H p t i v n phòng

trong các chuy n

th m hi n tr ng

H p t i v n phòng k th p trong các chuy n i th m hi n tr ng là r t c n thi t nh m ph ng v n nh ng nhân s ch ch t tham gia vào các ho t ng qu n lý và ghi chép s sách. Các h s , b n và tài li u s c nhóm ánh giá nghiên c u và m t s s c thu th p ph c v công tác ánh giá.

Thông tin đầu vào

Đối tượng các bên liên quan

Trong suốt quá trình đánh giá, các quan chức nghiệp vụ chính tiến hành thu thập thông tin từ các bên liên quan mục tiêu. Tùy thuộc vào quy mô và phạm vi của các thành viên nhóm đánh giá, thông tin có thể được thu thập qua các hình thức sau:

- Các cuộc họp chung
- Các cuộc họp riêng
- Phỏng vấn qua điện thoại
- Điều tra bằng bảng hỏi

Thông tin thu thập được từ các bên liên quan cung cấp đầu vào và chất lượng nhóm, các thành viên nhóm hoặc các hoạt động làm việc nhóm nhằm mô tả hình ảnh của xã hội địa phương.

Hợp thông báo

Kết quả đánh giá

Các buổi họp trong thời gian tiến hành đánh giá và thường là một ngày sau khi kết thúc các chuyên đề hội thảo và thẩm vấn phòng, nhóm đánh giá tổ chức họp xem xét lại những phát hiện thu được, cho ý kiến và đưa ra kết luận sơ bộ. Trước khi ra văn bản, nhóm đánh giá sẽ trình bày với thành viên nhóm và những phát hiện và kết luận sơ bộ của mình trong cuộc họp cuối cùng tại văn phòng của các thành viên nhóm.

H u ánh giá

Báo cáo

Trong kho ng th i gian t 6 n 8 tu n sau khi hoàn thành công vi c hi n tr ng, nhóm ánh giá l p đ th o báo cáo ánh giá. N i dung báo cáo bao g m:

- [Nh ng phát hi n - mô t v nh ng gì mà nhóm ánh giá tìm th y, và/ho c cách th c mà n v ng viên áp ng yêu c u c a t ng tiêu chí.
- [i m s - i m c tính trên c s phân tích c a nhóm ánh giá v t ng tiêu chí. Toàn b nhóm ánh giá s cùng ch m i m cho t t c các tiêu chí trên c s nh t trí c a c nhóm.
- [S tuân th - tùy thu c vào k t lu n c a nhóm ánh giá, báo cáo có th bao g m m th o c c hai c ch tuân th đ i ây:
- [Các i u ki n tiên quy t - các l h ng chính c phát hi n c n ph i c gi i quy t tr c khi nh n ch ng ch . C n ti n hành m t m t cu c ki m tra v các i u ki n tiên quy t nh m kh ng nh l i vi c áp ng y các i u ki n tiên quy t. Cu c ki m tra này c ng có th đ n n m t s chi phí khác cho ho t ng c a n v ng viên.
- [Các i u ki n - xác nh nh ng i m y u chính c n ph i c gi i quy t trong nh ng kho ng th i gian nh t nh sau khi nh n ch ng ch . Vi c áp ng các i u ki n c ánh giá trong các cu c ki m tra hàng n m và là i u ki n c n thi t duy trì ch ng ch .
- [Các khuy n ngh - nh ng khuy n ngh v c i thi n h th ng qu n lý r ng ho c ho t ng c a n v ng viên. Các khuy n ngh không ph i là b t bu c.

H u ánh giá, tí p

Ch m i m và Tuân th các tiêu chí FSC

Ch ãng trình ch ãng ch SmartWood c a Rainforest Alliance áp d ãng cách tính i m d i ây ánh giá vì c tuân th các Nguyên t c và Tiêu chí FSC. Các c quan c p ch ãng ch khác s d ãng các cách tính khác nhau, tuy nhiên v n cùng chung m c ích.

i m	K t qu th c hi n Mô t chung	S tuân th Các i u ki n tiên quy t, các i u ki n và khuy n ngh
Không áp d ãng	Không ph i là tiêu chí c áp d ãng	Không áp d ãng, do ó không có các i u ki n tiên quy t, các i u ki n ho c khuy n ngh ; các tiêu chí không c s d ãng tính i m trung bình
1	K t qu th c hi n r t kém; Hoàn toàn không có tr i n v ãng ho c thi u s li u	C n có các i u ki n tiên quy t
2	K t qu th c hi n kém; c n ph i c i thi n nhi u	Các i u ki n tiên quy t không b t bu c; Các i u ki n là c n thi t
3	K t qu th c hi n	Các i u ki n không b t bu c
4	K t qu th c hi n t t	Các khuy n ngh ; không có các i u ki n
5	K t qu th c hi n xu t s c	Có th có các khuy n ngh nh ãng không c n c th

Xem xét

c a ch th nhóm

C quan c p ch ãng ch rà soát l i d th o báo cáo và sau ó g i cho ch th nhóm xem xét và óng góp ý ki n v các n i dung th c t . Ch th nhóm dành kho ãng t 7 n 10 ngày làm vì c xem xét báo cáo.

ánh giá của chuyên gia

Sau khi nhận lấy kết quả đóng góp của thành viên nhóm, các quan chức ngành môi trường báo cáo cho các chuyên gia đánh giá kín. Các chuyên gia đánh giá kín giúp môi trường phát triển và nâng cao tính hoàn chỉnh của quá trình đánh giá. Các chuyên gia đánh giá kín là thành viên các quan chức ngành và phi chính phủ công việc. Thông thường, hai chuyên gia về tài nguyên thiên nhiên, kinh tế học xã hội học tiến hành đánh giá để báo cáo và gửi nhận xét bằng văn bản. Nhận xét của các chuyên gia đánh giá kín nhóm đánh giá cân nhắc và tóm tắt trong báo. Nhóm đánh giá nộp báo cáo cuối cùng cho các quan chức ngành và các quan chức ngành đưa ra quyết định cuối cùng về các chính sách cho nhân viên.

Quy trình các chức năng

Khi các quan chức ngành có một quy trình rõ ràng, một bộ nhân viên quy định rõ các tiêu chí các chức năng các kỹ thuật nhóm kỹ. Chức năng sẽ được thực hiện khi các quan chức ngành và thành viên nhóm ký vào hồ sơ.

Kiểm tra hàng nhập khẩu

Quá trình kiểm tra

Vào dịp lễ và dịp nghỉ hàng nhập khẩu, các quan chức hải quan sẽ thực hiện một đợt kiểm tra. Mục tiêu chính của các cuộc kiểm tra hàng nhập khẩu của SmartWood là nhằm xác minh xem các điều kiện và các yêu cầu vận hành rừng khế phục vụ (CARs) đã ra sao sau khi kết thúc đánh giá ban đầu hoặc kiểm tra hàng nhập khẩu có đáp ứng hay không và các hoạt động quản lý có tiếp tục đáp ứng các yêu cầu của các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC hay không. Quá trình tiến hành kiểm tra có thể kéo dài trong quá trình thực hiện đánh giá nhằm ngăn ngừa những thiệt hại. Hơn nữa, các chi phí của người nhập khẩu, ngân hàng nhập khẩu và các chi phí đánh giá.

Đàn kiểm tra

Đàn kiểm tra nhìn chung có ít người hình thành nhóm đánh giá và thường chỉ bao gồm một hoặc hai cán bộ, tùy thuộc vào quy mô và phạm vi của hoạt động của chủ thể nhóm.

Nhiệm vụ

Thành lập đoàn đánh giá

Đàn kiểm tra tiến hành phỏng vấn và phỏng vấn nhân sự chủ thể của chủ thể nhóm, nghiên cứu các tài liệu phù hợp của chủ thể nhóm, các bên liên quan và các tài liệu chung và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động quản lý rừng trồng hiện tại.



Sách này được dịch và in sang tiếng Việt với sự hỗ trợ kinh phí của: WWF, SNV, Bộ NN&PTNT, SECO, GTZ, EC



Schweizerische Eidgenossenschaft
Confédération suisse
Confederazione Svizzera
Confederaziun svizra

Föderal Department of Economic Affairs FOEA
Stans Representat for Economic Affairs SECO

